TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 08/01/2020
V/v ly hôn giữa chị T và anh K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Minh Tặng

Ông: Trương Ngọc Nhân

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Cao Lương Bằng –Thư ký Tòa án

- ***Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa*:** Không

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 683/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; sinh năm 199*
Địa chỉ: Đội *, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Cao Văn K; sinh năm 199*

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2019 và trong bản tự khai cũng như đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Cao Văn K quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Thái Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống

hạnh phúc sau đó thì xảy ra mẫu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hợp tính tình, đời sống chung không thể kéo dài. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Hiện tại chị cũng không còn tình cảm vợ chồng với anh K nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh K.

- Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao Trung H, sinh ngày 05/01/2013. Hiện tại cháu H đang ở với chị T, chị T có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ được nuôi dưỡng cháu H, và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đ.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn anh Cao Văn K không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý của Tòa án, cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và thông báo mở lại phiên tòa của Tòa án. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng bằng dịch vụ bưu chính. Việc anh K không đến Tòa án để giải quyết vụ án thể hiện thái độ không hợp tác với Tòa án nên căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 22/11/2019, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị T và anh K. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh K vẫn vắng mặt nên Toà án đã hoãn phiên toà vì vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc chị Nguyễn Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Cao Văn K, xét yêu cầu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa. Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Cao Văn K kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND xã Thái Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T: Vợ chồng chị T và anh K không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa hôm. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn

do bất đồng trong cuộc sống và cũng đã sống ly thân từ năm 2014. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao Trung H, sinh ngày 05/01/2013. Nguyện vọng của chị T là xin được nuôi dưỡng cháu H.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại cháu H đang ở với mẹ, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu Hiếu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc anh K phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[5]. Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị T và anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 57, 82, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Cao Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Cao Trung H, sinh ngày 05/01/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Cao Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2020.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom

đến cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, có quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 330.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0004193 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ: Anh Cao Văn K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/01/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Thái Thủy;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh